

Bản án số: 65/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2017

V/v: ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM – TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thành
- Các hội thẩm nhân dân:
 - Ông Lê Quý Hùng
 - Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Anh Trí – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 28/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2015/TLST-HNGĐ ngày 06/4/2015 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2017/QĐXXST-HNGD ngày 09/6/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tô Xuân T - sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: tổ dân phố Bãi Giếng 3, thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)
- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị A - sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: tổ dân phố Bãi Giếng 3, thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
 1. Bà Nguyễn Thị S - sinh năm 1951; địa chỉ cư trú: tổ dân phố Bãi Giếng 3, thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)
 2. Bà Chế Thị N - sinh năm 1930; địa chỉ cư trú: tổ dân phố Nghĩa Lộc, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. Đại diện theo ủy quyền của bà Nổi là ông Phạm Văn T (văn bản ủy quyền ngày 06/7/2016). (có mặt)
 3. Ông Phạm Văn M - sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: tổ dân phố Nghĩa Lộc, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)
 4. Bà Phạm Thị G - sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: tổ dân phố Nghĩa Lộc, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)
 5. Ông Phạm Văn T1 - sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: tổ dân phố Mỹ Ca, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)
 6. Ông Phạm Văn H - sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: tổ dân phố Nghĩa Lộc, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)
 7. Bà Phạm Thị Ch - sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: tổ dân phố Hòa Do 2, phường Cam Phúc Bắc, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Tô Xuân T trình bày:

- Về yêu cầu ly hôn: ông Tô Xuân T và bà Nguyễn Thị A tự nguyện chung sống và kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22 quyển số 01 ngày 05/4/2006. Trong quá trình chung sống, giữa ông T, bà A xảy ra nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, dẫn đến không tôn trọng nhau. Ông T, bà A đã sống ly thân từ tháng 02/2015, mỗi người tự lo cuộc sống của mình. Nay ông T không còn tình cảm với bà A, hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: ông T và bà A có một con chung là cháu Tô Thị Khánh V - sinh ngày 28/02/2007. Sau khi ly hôn, ông T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V; ông T hiện là bộ đội công tác tại Trung tâm quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật căn cứ Cam Ranh nên cháu V sẽ được hưởng nhiều chế độ ưu đãi. Ông T không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con; trường hợp bà A được giao nuôi con thì ông T sẽ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

- Về chia tài sản chung khi ly hôn: ông Tô Xuân T và bà Nguyễn Thị A có các tài sản chung sau:

1. Lô đất thứ nhất gồm 92 m² đất thuộc thửa đất số 1474 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại tổ dân phố Bãi Giếng 3, thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm đã được Ủy ban nhân dân huyện Cam Lâm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BA753188, số vào sổ cấp GCN CH-00252 ngày 04/8/2014 cho ông T, bà A và 48 m² đất mua của bà Nguyễn Thị S thuộc thửa đất số 390 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại tổ dân phố Bãi Giếng 3, thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm đã được Ủy ban nhân dân huyện Cam Lâm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AP710498, số vào sổ cấp GCN H01471 ngày 16/7/2009 cho bà S, theo hợp đồng mua bán đất ngày 01/7/2013. Tổng diện tích đất ông T, bà A đang sử dụng là 140 m²; trên đất có các tài sản: nhà, mái che, sân xi măng, công, tường rào. Ông T yêu cầu được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất và sẽ thanh toán lại cho bà A 285.405.000 đồng.

Khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 48 m² đất, ông T, bà A còn nợ của bà S 25.000.000 đồng; vì vậy ông T, bà A mỗi người có nghĩa vụ trả 12.500.000 đồng cho bà S.

2. Lô đất thứ hai có diện tích 150 m² thuộc một phần thửa đất số 342 tờ bản đồ số 12 (nay là thửa đất số 612 tờ bản đồ số 59) tọa lạc tại tổ dân phố Nghĩa Lộc, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, đã được Ủy ban nhân dân thành phố Cam Ranh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN 00559 QSDĐ ngày 08/10/1997 cho hộ ông Phạm Văn X và bà Chế Thị N. Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân phường Cam Nghĩa chứng thực ngày 29/02/2008, thì bên chuyển nhượng là ông Phạm Văn X, bà Chế Thị N, ông Phạm Văn M và bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị A, nhưng thực tế quyền sử dụng phần đất này ông X, bà N đã tặng cho con trai là ông Phạm Văn T1. Khi mua

bán, hai bên thỏa thuận lô đất này có giá 11 chỉ vàng 97%, ông T, bà A mới trả được cho ông T 10 chỉ vàng 97%, còn nợ lại của ông T 01 chỉ vàng 97%. Bà A được nhận hiện vật là thửa đất này, ông T không yêu cầu thanh toán giá trị chênh lệch nhưng bà A phải trả 01 chỉ vàng 97% cho ông T.

- Về chi phí định giá tài sản: đối với lô đất thứ nhất, ông T, bà A mỗi người chịu một nửa chi phí định giá tài sản là $4.687.000/2 = 2.343.500$ đồng; đối với lô đất thứ hai, bà A phải chịu chi phí định giá tài sản là 3.444.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện về yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

- Về yêu cầu ly hôn: bà Nguyễn Thị A và ông Tô Xuân T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau về thời gian, địa điểm, hoàn cảnh kết hôn đúng như lời trình bày của ông T. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T, bà A thường xuyên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có được tiếng nói chung. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2015 đến nay. Bà A không còn tình cảm với ông T nên ông T yêu cầu ly hôn thì bà A đồng ý.

- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn bà A có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu Tô Thị Khánh V - sinh ngày 28/02/2007 và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

- Về chia tài sản chung khi ly hôn: bà A xác nhận ông T, bà A trong thời kỳ hôn nhân có tạo lập được những tài sản chung đúng như lời trình bày của ông T. Bà A đang công tác tại Liên đoàn Lao động huyện Cam Lâm, cháu V hiện đang sống với bà A và đang theo học lớp 5 trường Tiểu học Cam Đức 1 tại thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm. Vì vậy, bà A yêu cầu được nhận hiện vật là lô đất thứ nhất; theo biên bản kê đo định giá tài sản ngày 31/3/2016, thì giá trị quyền sử dụng đất là 226.000.000 đồng, giá trị các tài sản trên đất là 209.209.780 đồng, tổng giá trị tài sản là 435.209.780 đồng. Bà A thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho ông T là $435.209.780/2 = 211.604.890$ đồng. Do còn nợ tiền mua đất của bà S 25.000.000 đồng nên mỗi người có nghĩa vụ trả 12.500.000 đồng cho bà S. Ông T công tác tại Vùng 4 Hải quân thuộc thành phố Cam Ranh. Do đó, ông T sẽ nhận hiện vật là lô đất thứ hai. Giá chuyển nhượng lô đất này là 11 chỉ vàng 97%. Bà A yêu cầu ông T thanh toán một nửa giá trị lô đất là 5,5 chỉ vàng 97% cho bà A. Bà A, ông T mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông T 0,5 chỉ vàng 97%.

- Về chi phí định giá tài sản: Bà A đã nộp 8.131.000 đồng tiền tạm ứng chi phí định giá; mỗi bên phải chịu một nửa chi phí định giá là $8.131.000/2 = 4.065.500$ đồng; vì vậy yêu cầu ông T phải hoàn trả lại cho bà A 4.065.500 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S trình bày:

Ngày 01/7/2013, bà S có lập hợp đồng mua bán đất với ông T, bà A, hai bên chỉ lập hợp đồng bằng văn bản và không công chứng, chứng thực. Giá chuyển nhượng quyền sử dụng 48 m² đất thuộc thửa đất số 390 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại tổ dân phố Bãi Giếng 3, thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm là 75.000.000 đồng. Ông T, bà A đã nhận đất và xây dựng nhà trên phần đất này nhưng mới thanh toán cho bà S 50.000.000 đồng, nợ lại 25.000.000 đồng. Ông T, bà A ly hôn, nên bà S yêu cầu mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà S 12.500.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T1, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chế Thị N trình bày:

Ngày 29/02/2008, ông Phạm Văn X, bà Chế Thị N, ông Phạm Văn M có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 150 m² đất thuộc thửa đất số 342 tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại tổ dân phố Nghĩa Lộc, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa cho bà Nguyễn Thị A.

Thực tế phần đất này cha mẹ ông T1 là ông X, bà N đã tặng cho ông T1 nhưng chưa làm thủ tục tách sổ, sang tên. Vì vậy, khi thực hiện giao dịch thì ông T1 là người trực tiếp đứng ra thỏa thuận việc chuyển nhượng và nhận vàng từ ông T, bà A. Đến thời điểm hiện nay, ông X đã mất, mẹ ông T1 là bà N và những người anh chị em của ông T1 là ông Phạm Văn M, bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Ch không có tranh chấp gì đối với phần đất này. Giá chuyển nhượng đất là 11 chỉ vàng 97%. Ông T, bà A mới chỉ thanh toán cho ông T1 10 chỉ vàng 97% và nợ lại 01 chỉ vàng 97%. Ông T1 yêu cầu ông T, bà A mỗi người có nghĩa vụ trả 0,5 chỉ vàng 97% cho ông T1.

Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị G, bà Phạm Thị Ch trình bày:

Ông X và bà N có 05 người con chung là: Phạm Văn M - sinh năm 1964, Phạm Thị G - sinh năm 1966, Phạm Văn T1 - sinh năm 1969, Phạm Văn H - sinh năm 1970, Phạm Thị Ch - sinh năm 1971. Ông H, bà G, bà Ch đều biết về việc chuyển nhượng quyền sử dụng 150 m² đất thuộc thửa đất số 342 tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại tổ dân phố Nghĩa Lộc, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh giữa ông T1 với bà A, ông T. Ông H, bà G, bà Ch không tranh chấp gì và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn M không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm phát biểu ý kiến:

Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông T và bà A; công sự thỏa thuận giữa các đương sự: giao cháu V cho bà A nuôi dưỡng, giáo dục và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng; bà A được nhận hiện vật là đất, tài sản trên đất tọa lạc tại tổ dân phố Bãi Giếng 3, thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm và đất tọa lạc tại tổ dân phố Nghĩa Lộc, phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh, bà A phải thanh toán cho ông T 300.000.000 đồng; ông T phải hoàn trả chi phí định giá 4.065.500 đồng cho bà A; ông T, bà A mỗi người phải trả 12.500.000 đồng cho bà S. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T trả 01 chỉ vàng 97% cho ông T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn giữa ông Tô Xuân T với bà Nguyễn Thị A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm theo quy định tại khoản

1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn M, bà Phạm Thị G, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị Ch đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên tòa ngày 27/6/2017, 25/7/2017 và 22/8/2017, căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về yêu cầu ly hôn: ông T với bà A tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau năm 2006, tại Ủy ban nhân dân xã Tây Lương, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22 quyền số 01 ngày 05/4/2006; đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, ông T và bà A thật sự tự nguyện ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa ông T và bà A.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: ông T với bà A có con chung là cháu Tô Thị Khánh V - sinh ngày 28/02/2007. Tại phiên tòa, ông T và bà A thỏa thuận bà A trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, ông T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, bà A không cản trở việc thăm nom con của ông T. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng được sống với mẹ của cháu V, nên căn cứ Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận của ông T và bà A.

[4] Về giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn:

Thửa đất số 1474 tờ bản đồ số 13 có diện tích 92 m² tọa lạc tại tổ dân phố Bãi Giếng 3, thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm đã được Ủy ban nhân dân huyện Cam Lâm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BA753188, sổ vào sổ cấp GCN CH-00252 ngày 04/8/2014, là tài sản chung của ông T, bà A.

Năm 2013, ông T, bà A thỏa thuận mua bán đất với bà S, nhưng khi lập hợp đồng ngày 01/7/2013 chỉ có ông T và bà S ký; theo hợp đồng hai bên thỏa thuận chuyển nhượng 46 m² đất thuộc thửa đất số 390 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại tổ dân phố Bãi Giếng 3, thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm đã được Ủy ban nhân dân huyện Cam Lâm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AP710498, sổ vào sổ cấp GCN H01471 ngày 16/7/2009 cho bà S với giá 75.000.000 đồng. Ông T, bà A đã thanh toán 50.000.000 đồng cho bà S và nhận đất, xây dựng nhà, sân, mái che trên phần đất này. Theo trích đo địa chính thửa đất ngày 31/3/2016, thì diện tích đất chuyển nhượng giữa các bên thực tế là 48 m²; bà S không có tranh chấp về diện tích đất này. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định 48 m² đất thuộc một phần thửa đất số 390 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại tổ dân phố Bãi Giếng 3, thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm là tài sản chung của ông T, bà A.

Năm 2008, ông T, bà A thỏa thuận với ông T1 về việc mua 150 m² đất thuộc một phần thửa đất số 342 tờ bản đồ số 12 (nay là thửa đất số 612 tờ bản đồ số 59) tọa lạc tại phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh; đã được Ủy ban nhân dân thành phố Cam Ranh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN 00559 QSDĐ ngày 08/10/1997 cho hộ ông Phạm Văn X và bà Chế Thị N. Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân phường Cam Nghĩa chứng thực ngày 29/02/2008, thì bên chuyển nhượng là ông Phạm Văn X, bà Chế Thị N, ông Phạm Văn M và bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị A, nhưng thực tế quyền sử dụng phần đất này ông X, bà N đã tặng cho con trai là ông Phạm Văn T1. Theo trích lục bản đồ địa chính ngày 27/9/2016, thì diện tích đất chuyển nhượng giữa

các bên thực tế là 141,4 m²; bà N, bà G, ông T1, ông H, bà Ch không có tranh chấp về diện tích đất này. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định 141,4 m² đất thuộc thửa đất số 612 tờ bản đồ số 59 tọa lạc tại phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh là tài sản chung của ông T, bà A.

Tại phiên tòa, ông T và bà A thỏa thuận chia tài sản chung khi ly hôn như sau: bà A nhận hiện vật là 92 m² đất thuộc thửa đất số 1474 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại tổ dân phố Bãi Giếng 3, thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm đã được Ủy ban nhân dân huyện Cam Lâm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BA753188, số vào sổ cấp GCN CH-00252 ngày 04/8/2014 và 48 m² đất thuộc một phần thửa đất số 390 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại tổ dân phố Bãi Giếng 3, thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm đã được Ủy ban nhân dân huyện Cam Lâm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AP710498, số vào sổ cấp GCN H01471 ngày 16/7/2009; trên đất có nhà 01 tầng, mái tôn, trần thạch cao, tường xây gạch, nền gạch men, diện tích 86,8 m², mái che lợp tôn sân xi măng diện tích 25 m², sân xi măng diện tích 35,1 m², cổng trụ gạch cánh thép diện tích 5,84 m², tường rào xây gạch khung sắt lưới B40 cao 2,3m dài 6,64 m; bà A nhận hiện vật là 141,4 m² đất thuộc thửa đất số 612 tờ bản đồ số 59 tọa lạc phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh; bà A phải thanh toán cho ông T 300.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên căn cứ Điều 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận của ông T và bà A.

[5] Về giải quyết nghĩa vụ tài sản của vợ chồng đối với người thứ ba khi ly hôn: Tại phiên tòa, ông T, bà A, bà S thỏa thuận ông T, bà A mỗi người có nghĩa vụ trả 12.500.000 đồng cho bà S; ông T tự nguyện trả 01 chỉ vàng 97% cho ông T1. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên căn cứ Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận của ông T, bà A, bà S và ghi nhận sự tự nguyện trả nợ cho ông T1 của ông T.

[6] Về chi phí định giá tài sản: Tại phiên tòa, ông T, bà A thỏa thuận mỗi người chịu một nửa chi phí định giá tài sản là $8.131.000/2 = 4.065.500$ đồng; bà A đã nộp tạm ứng chi phí định giá nên ông T phải hoàn trả cho bà A là 4.065.500 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên căn cứ Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận của ông T và bà A.

[7] Về án phí:

Vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn được thụ lý trước ngày 01/01/2017 nên ông Tô Xuân T phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Ông T, bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối 25.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 97% mà họ có nghĩa vụ trả cho bà S và ông T1. Cụ thể: $25.000.000 \times 5\% = 1.250.000$ đồng; ông T, bà A mỗi người phải chịu án phí là $1.250.000/2 = 625.000$ đồng. Giá vàng 97% ngày 28/8/2017, tại thị trấn Cam Đức có giá trị là 3.395.000 đồng, nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Theo biên bản kê đo định giá tài sản ngày 31/3/2016, thì giá trị quyền sử dụng 140 m² đất là 226.000.000 đồng, giá trị các tài sản trên đất là 209.209.780 đồng; theo biên bản định giá ngày 14/7/2016, thì giá trị quyền sử dụng 141,4 m² đất là 4.807.600 đồng; như vậy, tài sản chung của ông T, bà A có tổng giá trị là 440.017.380 đồng. Ông T, bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia sau khi trừ đi giá trị phần tài sản trả nợ. Cụ thể: ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $(300.000.000 - 12.500.000 - 3.395.000) \times 5\% = 14.205.250$ đồng; bà A phải chịu án phí dân sự sơ là $(440.017.380 - 300.000.000 - 12.500.000) \times 5\% = 6.375.869$ đồng.

Bà A có khó khăn kinh tế đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Cam Đức xác nhận, nên Hội đồng xét xử xét miễn 50% mức tiền án phí mà bà A phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 59, 60, 62, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009,

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Tô Xuân T và bà Nguyễn Thị A.
2. Công nhận sự thỏa thuận của ông Tô Xuân T và bà Nguyễn Thị A về việc giao cháu Tô Thị Khánh V- sinh ngày 28/02/2007 cho bà A nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2017 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Công nhận sự thỏa thuận về chia tài sản của vợ chồng khi ly hôn: bà Nguyễn Thị A nhận hiện vật là 92 m² đất thuộc thửa đất số 1474 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại tổ dân phố Bãi Giếng 3, thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm đã được Ủy ban nhân dân huyện Cam Lâm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BA753188, sổ vào sổ cấp GCN CH-00252 ngày 04/8/2014 và 48 m² đất thuộc một phần thửa đất số 390 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại tổ dân phố Bãi Giếng 3, thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm đã được Ủy ban nhân dân huyện Cam Lâm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AP710498, sổ vào sổ cấp GCN H01471 ngày 16/7/2009; trên đất có nhà 01 tầng, mái tôn, trần thạch cao, tường xây gạch, nền gạch men, diện tích 86,8 m², mái che lợp tôn sân xi măng diện tích 25 m², sân xi măng diện tích 35,1 m², cổng trụ gạch cánh thép diện tích 5,84 m², tường rào xây gạch khung sắt lưới B40 cao 2,3 m dài 6,64 m (có trích đo địa chính thửa đất kèm theo); bà Nguyễn Thị A nhận hiện vật là 141,4 m² thuộc thửa đất số 612 tờ bản đồ số 59 tọa lạc tại phường Cam Nghĩa, thành phố Cam Ranh (có trích lục bản đồ địa chính kèm theo); bà Nguyễn Thị A phải thanh toán cho ông Tô Xuân T 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

Bà Nguyễn Thị A được quyền liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất theo quy định của pháp luật.

4. Công nhận sự thỏa thuận ông Tô Xuân T và bà Nguyễn Thị A mỗi người có nghĩa vụ trả 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng cho bà Nguyễn Thị S.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Tô Xuân T trả 01 chỉ vàng 97% cho ông Phạm Văn T1.

6. Về chi phí định giá tài sản: công nhận sự thỏa thuận ông Tô Xuân T phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị A 4.065.500 (bốn triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm) đồng.

7. Về án phí:

7.1. Ông Tô Xuân T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số AB/2010/0007214 ngày 03/4/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm; ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

7.2. Ông Tô Xuân T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

7.3. Ông Tô Xuân T phải chịu 825.000 (tám trăm hai mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị phần tài sản có nghĩa vụ.

7.4. Ông Tô Xuân T phải chịu 14.205.200 (mười bốn triệu hai trăm lẻ năm nghìn hai trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia.

7.5. Bà Nguyễn Thị A phải chịu 312.500 (ba trăm mười hai nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị phần tài sản có nghĩa vụ.

7.6. Bà Nguyễn Thị A phải chịu 3.188.000 (ba triệu một trăm tám mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai số AB/2010/0009328 ngày 05/8/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, hoàn trả lại cho bà A 562.000 (năm trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.

8. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

9. Quy định: kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi cục THADS huyện Cam Lâm;
- UBND xã Tây Lương, Tiên Hải, Thái Bình;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trung Thành